

Số: 219/KH-UBND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 4 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Chương trình), trên cơ sở bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa, mục đích, chủ trương giảm nghèo của Đảng, Nhà nước; đẩy mạnh các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện công tác giảm nghèo, với phương châm: “Giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn”.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch.

## 2. Yêu cầu

- Các Sở, Ban, ngành, địa phương đơn vị liên quan bám sát các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Kế hoạch; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương; đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện công tác giảm nghèo phải theo địa chỉ, theo nguyên nhân căn cơ (thu nhập, thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản), theo nguyện vọng và đúng thực chất, không chạy theo thành tích. Xây dựng các giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng nhóm đối tượng trên cơ sở các chính sách giảm nghèo hiện hành và nhu cầu của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ưu tiên hỗ trợ, đầu tư cho cộng đồng, nhóm hộ có liên kết, theo chuỗi giá trị, các dự án giảm nghèo hiệu quả.

- Tăng cường huy động xã hội hóa và lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, dự án, đề án khác để đảm bảo thực hiện hoàn thành và vượt các chỉ tiêu, các mục tiêu của Kế hoạch.

- Xác định rõ vai trò của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền và thủ trưởng các đơn vị, địa phương đối với công tác giảm nghèo bền vững. Tạo sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan. Huy động các cấp, các ngành vào cuộc để chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra. Tổ chức đánh giá, đảm bảo được chế độ thông tin, báo cáo kịp thời theo quy định.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN

### 1. Đối tượng thực hiện

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

- Các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh gồm: Huyện Đăk Glông, huyện Tuy Đức (theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện nghèo; các tổ chức, cá nhân liên quan.

**2. Phạm vi thực hiện:** Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là huyện nghèo.

**3. Thời gian thực hiện:** Năm 2023.

### III. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo; tạo sinh kế và tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng toàn diện; cải thiện tốt nhất đời sống vật chất - tinh thần cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững nhằm hướng đến và góp phần đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII đã đề ra, đưa Đắk Nông “trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên”.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm từ 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2021-2025).

- Hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo, đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp,...

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp về quy mô và chất lượng đào tạo cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững cho người nghèo, tạo điều kiện để đối tượng, được đào tạo nghề, phát triển sản xuất, có việc làm ổn định để tăng thu nhập, từng bước cải thiện và tiếp cận tốt các dịch vụ về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập.

- Hỗ trợ các xã thuộc huyện nghèo đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo có nhu cầu được nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Triển khai thực hiện các chính sách xã hội đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận chính sách.

#### **IV. TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ**

**1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn**

***1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo***

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng: Gồm 02 huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện nghèo, cụ thể:

- Hoạt động 01: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

+ Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất.

+ Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

+ Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

+ Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao.

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng người nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa, dân tộc, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

+ Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

+ Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Hoạt động 02: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 99.535 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 90.490 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 82.263 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 8.227 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 9.049 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 8.226 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 823 triệu đồng).

**1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ huyện Đăk Glong thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Huyện Đăk Glong là huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư thực hiện các hạng mục thuộc 04 công trình đã được phê duyệt nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đăk Glong và các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 73.963 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 67.239 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 61.126 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 6.113 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 6.724 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 6.113 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 611 triệu đồng).

**2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

## b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

## c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 36.066 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 32.787 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 3.279 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### **3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 15.907 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 14.461 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 1.446 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### **3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

## b) Đối tượng

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

## c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Phân công thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

## e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 5.716 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 5.196 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 520 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững****4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

## b) Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Các Sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

## c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.



- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 45.588 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 41.444 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 16.317 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 25.127 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 4.144 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.632 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.512 triệu đồng).

#### **4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian

tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 1.686 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.533 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 153 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

### **4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

- Hỗ trợ giao dịch việc làm.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 10.393 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 9.477 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 3.283 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.164 triệu đồng);
- Ngân sách địa phương: 946 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 329 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 617 triệu đồng).

**5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (nguồn vốn Trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ)**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho khoảng 100% hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup>, đạt tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Phân công thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 29.568 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 26.880 triệu đồng (vốn sự nghiệp);
- Ngân sách địa phương: 2.688 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

**6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

a) Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn xã nghèo, huyện nghèo tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; tăng tỷ lệ các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động phục vụ công tác thông tin tuyên truyền tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, biên giới; thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới thông qua lồng ghép các nhiệm vụ triển khai thông tin tuyên truyền.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; huyện nghèo, khu vực biên giới.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở: đầu tư mới hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông khu vực biên giới (lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ có liên quan).

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới (lồng ghép trong các chương trình, nhiệm vụ có liên quan).

d) Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 2.064 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.876 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 188 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

## **6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng:

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

## c) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thực hiện việc thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

e) Kinh phí thực hiện năm 2023 là 2.196 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.997 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 199 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

### **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

Kinh phí thực hiện năm 2023 là 7.572 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 6.885 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 687 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

#### **7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình**

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

#### b) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

## c) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

## **7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình**

## a) Mục tiêu:

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

## b) Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

## c) Nội dung:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí thực hiện năm 2023 là 330.258 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 300.235 triệu đồng; ngân sách đối ứng của địa phương là 30.023 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm: Nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ năm 2023 cho các địa phương, đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (địa phương bố trí tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ nhiệm vụ được phân công, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động tại địa phương theo quy định.

## VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phân bổ nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Tổ chức thực hiện các nội dung, dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện của địa phương; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

3. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

4. Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, vùng, miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện.

6. Xác định nguồn ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí vốn đối ứng hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

7. Lồng ghép hiệu quả nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện nghèo.

8. Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn năm 2023 để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội** chủ trì phối với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Thực hiện các dự án được giao tại Kế hoạch.

- Thực hiện và hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch giảm nghèo hàng năm và giai đoạn gắn với thi đua khen thưởng kịp thời.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

**3. Sở Y tế** chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo, người cận nghèo. Chủ trì thực hiện và hướng dẫn các địa phương,



đơn vị thực hiện hoạt động Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 - Cải thiện dinh dưỡng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

**4. Sở Thông tin và Truyền thông** chủ trì thực hiện và hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 - Giảm nghèo về thông tin; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

**5. Sở Xây dựng** chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện Dự án 5 - Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Tiểu dự án thuộc lĩnh vực chủ trì đối với các địa phương, đơn vị thực hiện dự án.

**6. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan** theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch của đơn vị.

**7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên** chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lồng ghép từ các chương trình, dự án đề án tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân hưởng ứng, tham gia phong trào “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bỏ lại phía sau” đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Vận động tổ chức, cá nhân tham gia giúp đỡ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Phối hợp thực hiện việc tuyên truyền, giám sát phản biện trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

#### **8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các nguồn lực cho công tác giảm nghèo; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn và năm 2023 của địa phương phù hợp với đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp giảm nghèo vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo của năm 2023 và giai đoạn 2021-2025 Chương trình đã đề ra.

- Phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. Tổ chức huy động nguồn lực từ các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp... cho chương trình giảm nghèo.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình.

### **VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

1. Các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện công tác báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/6 hàng năm), 01 năm (trước ngày 10/12 hàng năm) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo yêu cầu.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 485/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông)./*

**Nơi nhận:**

- Bộ LĐ-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- CN Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX (Q).

03

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tôn Thị Ngọc Hạnh**